

Bản án số: 20/2022/HNGĐ-ST
Ngày 10-5-2022
Về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Văn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Minh Hiền và bà Đặng Thị Hồng Duyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Ngày 10 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 28/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2022, về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị S, sinh năm: 1993.

Địa chỉ: Tổ dân phố X, phường YN, thành phố YB, tỉnh Yên Bái;

Bị đơn: Anh Nguyễn Tuấn H, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Tổ dân phố X, phường YN, thành phố YB, tỉnh Yên Bái;

Hiện đang cai nghiện bắt buộc tại cơ sở cai nghiện ma túy thành phố Lào Cai, thôn Đ, xã TP, thành phố LC, tỉnh Lào Cai.

Các đương sự vắng mặt, đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ nguyên đơn chị Nguyễn Thị S trình bày:

Chị và anh Nguyễn Tuấn H đăng ký kết hôn ngày 13-4-2011, tại UBND phường NTH, thành phố YB, tỉnh Yên Bái trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 10-2012 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H nghiện chất ma túy, mãi chơi không quan tâm đến gia đình, vợ con. Chị và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo anh H nhưng anh H vẫn không thay đổi. Đến tháng 5-2021, anh H bị cưỡng chế đi cai nghiện bắt buộc tại cơ sở cai nghiện ma túy thành phố LC, tỉnh Lào Cai. Chị xác

định tình cảm vợ chồng đã hết nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Tuấn H.

Về con chung: Chị xác nhận chị và anh H có 02 con chung: Nguyễn Yến Nh - sinh ngày 01-10-2011 và Nguyễn Tuấn T - sinh ngày 16-11-2014. Hiện các cháu đang chung sống cùng với chị. Chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nợ chung: Chị xác định không có tài sản chung và không nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai của anh Nguyễn Tuấn H, thể hiện:

Anh kết hôn với chị S từ năm 2011, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2015 đến nay, vợ chồng không hòa giải được nên đã sống ly thân. Sau một thời gian hàn gắn tình cảm không được, anh xác định tình cảm vợ chồng đã hết đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái giải quyết cho vợ chồng anh được ly hôn.

Về con chung: Anh và chị S có 02 con chung: Nguyễn Yến Nh – sinh ngày 01-10-2011 và Nguyễn Tuấn T – sinh ngày 16-11-2014. Anh nhất trí để chị S trực tiếp nuôi dưỡng 02 con, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản, nợ chung: Anh xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện anh đang trong thời gian cai nghiện bắt buộc nên không đến Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái để giải quyết vụ án được, anh đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt anh theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con; bị đơn anh Nguyễn Tuấn H có hộ khẩu thường trú tại tổ 01, phường YN, thành phố YB, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị S kết hôn với anh Nguyễn Tuấn H ngày 13-4-2011, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Theo chị S trình bày: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 10-2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H nghiện chất ma túy, mãi chơi, không quan

tâm đến vợ con. Anh H cũng xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn dẫn đến tình cảm không thể hàn gắn được và đã sống ly thân. Anh xác định tình cảm vợ chồng đã hết và đồng ý ly hôn với chị S. Hiện anh đang cai nghiện tại cơ sở cai nghiện thành phố LC từ tháng 5-2021 đến nay. Như vậy, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị S và anh H đã trầm trọng, kéo dài, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị S là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[3] Về nuôi con: Anh chị đều xác nhận có 02 con chung: Nguyễn Yến Nh-sinh ngày 01-10-2011 và Nguyễn Tuấn T - sinh ngày 16-11-2014. Hiện các cháu đang sống cùng với chị S. Anh H và chị S đều đề nghị để chị S trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, anh H không cấp dưỡng nuôi con.

Hiện các cháu đang chung sống ổn định cùng với mẹ và đều có nguyện vọng được ở cùng mẹ. Chị S có công việc và nguồn thu nhập ổn định đảm bảo cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu. Mặt khác, anh H đang trong thời gian cai nghiện bắt buộc, không có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng các cháu. Do đó, cần giao cả hai cháu Nguyễn Yến Nh và Nguyễn Tuấn T cho chị S nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với ý chí của các đương sự, nguyện vọng của các con chung và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị S phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị S được ly hôn anh Nguyễn Tuấn H.

2. Về nuôi con: Giao cho chị Nguyễn Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 cháu: Nguyễn Yến Nh – sinh ngày 01-10-2011 và Nguyễn Tuấn T – sinh ngày 16-11-2014 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi, anh Nguyễn Tuấn H không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị S phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã

nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số: AA/2021/0000161 ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Yên Bái.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị S, anh Nguyễn Tuấn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái ;
- VKSND TP.YB;
- THADS TP. YB;
- Các đương sự;
- UBND P.NTH, TP YB
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị Văn